

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA T
TỈNH T N**

Bản án số: 35/2021/HSST
Ngày: 26/4/2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DẠ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA T
TỈNH T N**

Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà L Ngọc Trâm
2. Ông Trần Văn Thạch

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân Thị xã Hòa T, tỉnh T N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Hòa T, tỉnh T N tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Sĩ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thị xã Hòa T, tỉnh T N xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 29/2021/HSST ngày 18 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D (Tên gọi khác: Hưng) - Sinh ngày: 05/11/1998 tại: tỉnh N B. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Xóm 2, xã Hồi N, huyện Kim S, tỉnh N B. Nơi cư trú hiện nay: Nhà cho thuê thuộc ấp T P, xã T T, thị xã Hòa T, tỉnh T N. Nghề nghiệp: Không có. Trình độ học vấn: 9/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo. Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1978; Vợ, con: không có. Tiền án, Tiền sự: không có. Bị cáo bị tạm giữ ngày 11/01/2021, tạm giam ngày 19/01/2021 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, N vụ liên quan:

1. Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1979, ngụ ấp N B, xã Bàu Năng, huyện D Minh Châu, tỉnh T N. (có đơn vắng mặt)

2. L Thị L, sinh năm 1983, ngụ ấp T P, xã T T, thị xã Hòa T, tỉnh T N. (có

đơn vắng mặt)

3. Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1989, ngụ khu phố Long Thới, phường Long T Trung, thị xã Hòa T, tỉnh T N. (có đơn vắng mặt)

4. L Thị Kim D, sinh năm 1975, ngụ khu phố Long Đại, phường Long T Bắc, thị xã Hòa T, tỉnh T N. (vắng mặt)

5. Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1980, ngụ khu phố Hiệp An, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa T, tỉnh T N. (có đơn vắng mặt)

6. Đặng Tú A, sinh năm 1982, ngụ khu phố 3, phường Long Hoa, thị xã Hòa T, tỉnh T N. (có đơn vắng mặt)

7. Phạm Thị Bạch L, sinh năm 1976, ngụ khu phố N P, phường N Thạnh, T phố T N, tỉnh T N. (có đơn vắng mặt)

8. Phạm Thị ThA T, sinh năm 1979, ngụ khu phố N P, phường N Thạnh, T phố T N, tỉnh T N. (có đơn vắng mặt)

9. Nguyễn Xuân ThA, sinh năm 1974, ngụ khu phố Hiệp Long, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa T, tỉnh T N. (có đơn vắng mặt)

10. Nguyễn Thị P, sinh năm 1973, ngụ khu phố Hiệp Long, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa T, tỉnh T N. (có đơn vắng mặt)

11. Huỳnh Trọng N, sinh năm 1983, ngụ ấp T Lộc, xã T T, thị xã Hòa T, tỉnh T N. (có đơn vắng mặt)

12. Đặng Thị A1, sinh năm 1968, ngụ khu phố 2, thị trấn D Minh Châu, huyện D Minh Châu, tỉnh T N. (có đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 8/2020, Nguyễn Văn D mang theo số tiền khoảng 300.000.000 đồng từ tỉnh N B đến thuê nhà trọ trú tại ấp T P, xã T T, thị xã Hòa T, tỉnh T N để hoạt động cho vay tiền, lấy lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính. Hàng ngày, D đến các quán cà phê trên địa bàn thị xã Hòa T, tỉnh T N để giới thiệu có cho vay tiền, đồng thời cho số điện thoại “0349012698” để khách uống cà phê nếu có nhu cầu cần vay tiền thì liên lạc. Khi cho vay, D hẹn gặp trực tiếp những người vay tiền để thỏa thuận việc cho vay và ghi họ tên, địa chỉ người vay, số tiền vay, số ngày trả góp, số tiền trả góp mỗi ngày vào sổ để theo dõi gọi là “sổ thu tiền vay”. Hình thức D cho vay là trả góp theo ngày bao gồm tiền gốc và tiền lãi suất. Qua đối chiếu sổ thu tiền vay thể hiện, lãi suất cho vay là 365%/năm (gấp 18,25 lần lãi suất quy định) đối với thời hạn trả góp 25 ngày; lãi suất 282,5%/năm (gấp 14,12 lần lãi suất quy định) đối với thời hạn trả góp 31 ngày; lãi suất 204,7%/năm (gấp 10,23 lần lãi suất quy định) đối với thời hạn trả góp 41 ngày. D và người vay thỏa thuận sẽ đóng tiền góp vào lúc 16 giờ chiều hàng ngày tại khu vực công viên Hòa T, nếu người vay không đến đóng tiền góp thì D sẽ đến nhà thu tiền, nhưng không đe dọa hay sử dụng vũ lực với người vay.

Với thủ đoạn nêu trên, từ tháng 8/2020 đến ngày 10/01/2021, D đã cho 20

người vay 70 lượt với tổng số tiền 322.000.000 đồng và tùy từng T hợp D thu tiền phí 100.000 đồng mỗi lượt vay hoặc không thu phí. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 57.536.022 đồng (gồm tiền phí 1.700.000 đồng, tiền lãi suất trái phép 55.836.022 đồng). Số tiền thu lợi được D tiếp tục sử dụng để làm vốn cho vay và tiêu xài cá nhân. Những người vay tiền gồm:

- | | |
|-----------------------|---------------------|
| 1. Trần Thị Mỹ L | 7. Phạm Thị Bạch L |
| 2. L Thị L | 8. Phạm Thị ThA T |
| 3. Nguyễn Thị Thúy L | 9. Nguyễn Xuân ThA, |
| 4. L Thị Kim D, | 10. Nguyễn Thị P |
| 5. Nguyễn Thị Thùy D, | 11. Huỳnh Trọng N, |
| 6. Đặng Tú A | 12. Đặng Thị A1, |

Ngoài ra còn 08 người khác tên Kiều 4, Diễm, Vinh, Lùn, Nước, Thoa, Nga, Cúc (không rõ nhân thân, địa chỉ).

Ngày 10/01/2021, khi Nguyễn Văn D đang ở nhà trọ thì bị lực lượng Công an thị xã Hòa T kiểm tra bắt giữ, thu giữ tiền Việt Nam 34.540.000 đồng; 02 xe máy và 02 điện thoại di động các loại và các tài liệu có liên quan.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn D đã T khA1 khai báo về hành vi phạm tội của mình, những người vay tiền của bị cáo không có ý kiến gì về số tiền bị cáo đã nhận.

Qua xác minh, bị cáo không có tài sản nên không kê biên.

Bản cáo trạng số 31/CT-VKSHT ngày 17/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Hòa T, tỉnh T N đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Hòa T, tỉnh T N trong phần trA luận đã giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Khoản 1 Điều 201, Điểm i, s Khoản 1, Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định, buộc bị cáo nộp lại số tiền 57.536.022 đồng và số tiền vốn sử dụng cho vay 94.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, không có ý kiến trA luận, xác định nội dung cáo trạng của Viên kiểm sát truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết vi phạm, Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ, tạo cơ hội cho bị cáo làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thị xã Hòa T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Hòa T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo D khai nhận: Trong thời gian từ tháng 8/2020 đến tháng 10/01/2021, trên địa bàn thị xã Hòa T, huyện D Minh Châu, tỉnh T N, bị cáo đã cho tổng cộng 20 người vay/70 lượt vay, số tiền vốn cho vay từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, với lãi suất cho vay từ 204,7%/năm đến 365%/năm với nhiều mức cho vay trả góp từ 25 ngày đến 41 ngày, tương đương 16,825%/tháng đến 30%/tháng, gấp 10,23 lần đến 18,25 lần mức lãi suất quy định. Số tiền vốn thực sử dụng cho vay 94.000.000đ, tùy từng T hợp thu phí 100.000 đồng mỗi lượt vay hoặc không thu phí, tiền lãi đã thu 59.659.591 đồng, trong đó tiền lãi được phép thu 3.823.569 đồng, số tiền lãi đã thu vượt quá mức tối đa theo quy định là 55.836.022 đồng, phí vay là 1.700.000 đồng, tổng số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính là 57.536.022 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, lời khai người làm chứng, người có quyền lợi, N vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã có hành vi cho vay với lãi suất cao gấp 10 đến 18 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự và thu lợi bất chính tổng số tiền 57.536.022 đồng, nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu T tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, thể hiện ý thức muốn Lnh chóng thu được tối đa lợi nhuận nhưng không phải bỏ công sức lao động một cách chân chính của bị cáo. Chính hành vi cho vay lãi nặng tự phát, không tuân thủ các quy tắc tín dụng, không có sự quản lý của Nhà nước và luôn đi kèm với các hình thức xử lý nợ khác... đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an N, trật tự của địa P, kéo theo sự phát sinh của các tệ nạn và tội phạm trong xã hội. Do đó, cần xem xét xử phạt bị cáo một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nhằm thể hiện được tính phòng ngừa chung cho cộng đồng và răn đe, giáo dục đối bị cáo.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo T khA1 khai báo. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc T hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6]. Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo:

Xét thấy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên xem xét áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo về chính quyền địa P nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục, cải tạo bị cáo. Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2021 đến ngày 26/4/2021 nên được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ; nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên bố trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền 94.000.000 đồng bị cáo dùng để cho vay xoay vòng (tiền gốc) là công cụ phạm tội nên cần buộc bị cáo nộp lại để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Người vay tiền của bị cáo không có yêu cầu gì về số tiền bị cáo đã nhận. Tại phiên tòa, bị cáo khai những người vay tiền của bị cáo còn nợ bị cáo hay không, bị cáo không xác định được và không có ý kiến hay yêu cầu gì, nên không có cơ sở xem xét.

Đối với số tiền lãi bị cáo đã nhận vượt quá quy định là 55.836.022 đồng, buộc bị cáo nộp lại sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với phí vay bị cáo đã thu số tiền 1.700.000 đồng là tiền bị cáo thu lợi bất chính nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi theo quy định bị cáo được phép nhận là 3.823.569 đồng là tiền phát sinh từ tội phạm, thu lợi bất chính nên để đảm bảo công tác đấu trA, phòng ngừa tội phạm, cần buộc bị cáo D nộp lại sung vào ngân sách nhà nước.

[6]. Vật chứng thu giữ:

- Tiền Việt Nam: 34.540.000 đồng bị cáo khai số tiền này của bị cáo dùng để tiêu xài và có tiền thu được do thực hiện việc cho vay có được, nhưng bị cáo không xác định được số tiền dùng thực hiện việc cho vay là bao nhiêu, nên cần tịch thu hết sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 (Một) xe mô tô biển số 70G1- 659.05, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu S đen, số máy G3E6E – 0427694, số khung: MH3UG 0710JK273888, tình trạng xe đã qua sử dụng, xe không có gương chiếu hậu, là tài sản của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 (Một) xe mô tô biển số 70G1- 597.52, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu S xám - xA, số máy G3D4E - 634364, số khung: RLCUG 0610HY609084, tình trạng xe đã qua sử dụng, xe không có gương chiếu hậu, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần tuyên trả lại cho bị cáo.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 10 màu bạc, số imel: 351591/11/057467/3, (kiểm tra trên thân máy), có gắn 01 sim điện thoại số sêri: 8984048000038310738, tình trạng đã qua sử dụng. không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần tuyên trả lại cho bị cáo; nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu S vàng, số imel: 359480085654995, (kiểm tra trên thân máy), có gắn 1 sim điện thoại số sêri: 8945703002122865981; đã qua sử dụng, bị cáo khai là tài sản của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước .

Đối với 02 chủ sở hữu xe mô tô biển số 70G1- 659.05 và biển số 70G1- 597.52, khai đã bán xe cho ai không nhớ và không còn liên quan đến xe, nên không cần thiết đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Đối với người vay tên Thoa, Cúc, Vinh, Lùn, Nga, Nước, Diễm, Kiều; không rõ nhân thân, địa chỉ nên không nên đưa họ tham gia tố tụng trong vụ án.

Ngoài ra những người vay, có người khai giao cho bị cáo giữ giấy chứng minh nhân dân, giấy xe; nhưng bị cáo khai người vay đưa ra để xem chứ không giữ giấy, người vay và bị cáo xác định thỏa thuận việc giao dịch vay tiền không lập giấy tờ gì, nên không có cơ sở xem xét.

[6]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D (Hưng) phạm tội: “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 201; Điểm i, s, khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự; Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/QH 14, ngày 30/12/2016 Quy định về án phí và lệ phí Tòa án .

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D (Hưng) 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ; khấu trừ thời gian tạm giữ 03 (Ba) tháng 16 (Mười sáu) ngày, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Như vậy, bị cáo D được khấu trừ 10 (Mười) tháng 18 (Mười tám) ngày vào thời gian chấp hành hình phạt. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 01 tháng 12 ngày.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân **xã Hồi N, huyện Kim S**, tỉnh N B được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

2. Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Nguyễn Văn D (Hưng) ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Giao bị cáo Nguyễn Văn D (Hưng) cho Ủy ban nhân dân **xã Hồi N, huyện Kim S**, tỉnh N B để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp

với Ủy ban nhân dân xã Hồi N, huyện Kim S, tỉnh N B trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

T hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo Nguyễn Văn D (Hưng)

4. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn D (Hưng) nộp lại số tiền 155.359.591 đồng để sung vào ngân sách nhà nước. (Gồm: Tiền cho vay 94.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định 3.823.569 đồng, tiền lãi nhận vượt quy định 55.836.022 đồng, tiền phí cho vay 1.700.000 đồng).

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các tài sản gồm:

- Tiền Việt Nam 34.540.000 đồng.

- 01 (Một) xe mô tô biển số 70G1- 659.05, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu S đen, số máy G3E6E – 0427694, số khung: MH3UG 0710JK273888, tình trạng xe đã qua sử dụng, xe không có gương chiếu hậu.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu S vàng, số imel: 359480085654995, (kiểm tra trên thân máy), có gắn 1 sim điện thoại số sêri: 8945703002122865981; đã qua sử dụng.

Tuyên trả lại cho bị cáo D các tài sản gồm:

- 01 (Một) xe mô tô biển số 70G1- 597.52, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu S xám - xA, số máy G3D4E – 634364, số khung: RLCUG 0610HY609084, tình trạng xe đã qua sử dụng, xe không có gương chiếu hậu.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 10 màu bạc, số imel: 351591/11/057467/3, (kiểm tra trên thân máy), có gắn 01 sim điện thoại số sêri: 8984048000038310738, tình trạng đã qua sử dụng.

Nhưng giao chỉ cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa T, tỉnh T N tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Hiện Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa T, tỉnh T N đang quản lý theo Biên bản bàn giao, nhận vật chứng ngày 30/3/2021)

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

6. Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, N vụ liên quan trong vụ án được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

T hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các T viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

